

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa lí thuyết và hóa lí

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quốc Dũng

2. Ngày tháng năm sinh: 17/07/1982; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Bồ Đề - huyện Bình Lục – tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ 303 – Chung cư Tiến Bộ A7 – TBCO3 – tổ 8, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Căn hộ 303 – Chung cư Tiến Bộ A7 – tổ 8, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0913989269;

E-mail: [dungnq@tnue.edu.vn](mailto:dungnq@tnue.edu.vn); [nguyenquocdung@dhsptn.edu.vn](mailto:nguyenquocdung@dhsptn.edu.vn);  
[nguyenquocdungitims@gmail.com](mailto:nguyenquocdungitims@gmail.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 06/2007 đến tháng 8/0215: Giảng viên, trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam

- Từ tháng 09/2015 đến nay: Giảng viên, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chức vụ hiện nay: Trợ lý công tác sinh viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Hóa – Sinh (trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nam).

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hóa học - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 20, Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083 851013

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: 0559547; ngành: Hóa học, Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 9 tháng 5 năm 2007; số văn bằng: 002797; ngành: Khoa học vật liệu; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Đào tạo quốc tế về Khoa học vật liệu (ITIMS), Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 8 năm 2013; số văn bằng: CNU2012(D)-249; ngành: Khoa học vật liệu; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1. Cảm biến (cảm biến khí, cảm biến điện hóa)

Hướng nghiên cứu 2. Nghiên cứu chế tạo vật liệu sắt từ, sắt điện, vật liệu cấu trúc nano và ứng dụng trong lưu trữ dữ liệu, hấp phụ, quang xúc tác, dự trữ năng lượng, y sinh, xử lý môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 đề tài Khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), 01 đề tài cấp cơ sở Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

- Đã công bố (số lượng) 55 bài báo khoa học, trong đó 41 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus). Cụ thể là:

+ Hướng nghiên cứu 1. Cảm biến (cảm biến khí, cảm biến điện hóa)

Số bài báo và báo cáo khoa học được công bố 17 bài báo: [1, 2, 4, 5, 6, 8, 11, 13, 18, 26, 31, 34, 37, 41, 44, 49, 54].

Số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiên sĩ là 05 bài báo: [18, 31, 41, 44, 54].

Thực hiện 02 đề tài dự án khoa học [6.1, 6.2] trong đó có 01 đề tài cấp cơ sở [6.1], 01 đề tài Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) [6.2].

Đã hướng dẫn chính 04 học viên cao học đã có quyết định cấp bằng [4.1, 4.2, 4.3, 4.8].

Biên soạn được 01 giáo trình xuất bản làm tài liệu học tập [5].

+ Hướng nghiên cứu 2. Nghiên cứu chế tạo vật liệu sắt từ, sắt điện, vật liệu cấu trúc nano và ứng dụng trong lưu trữ dữ liệu, hấp phụ, quang xúc tác, dự trữ năng lượng, y sinh, xử lý môi trường.

Số bài báo và báo cáo khoa học được công bố 38 bài báo: [3, 7, 9, 10, 12, 14, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 35, 36, 38, 39, 40, 42, 43, 45, 46, 47, 48, 50, 51, 52, 53, 55].

Số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiên sĩ là 03 bài báo: [48, 51, 53].

Đã hướng dẫn chính 05 học viên cao học đã có quyết định cấp bằng [4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.9].

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo.

**Về tiêu chuẩn của nhà giáo:** Có phẩm chất, đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức kỉ luật cao. Có trình độ đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của nhà giáo. Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học. Không ngừng rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nhà giáo và nêu gương tốt cho người học.

**Nhiệm vụ giảng dạy:** Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao cho hệ đại học. Hướng dẫn sinh viên làm nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp và học viên làm luận văn thạc sĩ. Hiện nay đã hướng dẫn 09 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ; 08 khóa luận tốt nghiệp, 08 đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học. Tham gia xây dựng đề cương môn học, các hoạt động chuyên môn của Khoa và Nhà trường. Bản thân luôn chủ động trong công việc, chú trọng kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học, thực tế phổ thông để nâng cao chất lượng dạy học của một giảng viên sư phạm.

**Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:** Tôi đã hoàn thành 02 đề tài các cấp gồm 01 đề tài Khoa học và công nghệ Quốc gia NAFOSTED và 01 đề tài cấp cơ sở và tham gia một số đề tài các cấp khác. Nhận thấy là một giảng viên đại học, với nghiên cứu chính là khoa học cơ bản, tuy nhiên khi nhà trường phát động, tôi là một trong những giảng viên đầu tiên chủ trì sản xuất bài giảng elearning. Tôi luôn tự học hỏi để nâng cao năng lực nghiên cứu. Tham

gia các hội nghị, hội thảo, giao lưu học thuật với các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước để luôn được học hỏi, cập nhật các kiến thức khoa học mới.

**Nhiệm vụ hoạt động hỗ trợ cộng đồng:** tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như phân biện các hội đồng nghiên cứu khoa học sinh viên, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, cho các tạp chí trong và ngoài nước, v.v.

Ngoài các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, hỗ trợ cộng đồng, tôi còn tham gia các nhiệm vụ khác theo sự phân công của đơn vị như Trợ lý công tác sinh viên và văn thể, cố vấn học tập; tham gia viết báo cáo đánh giá chương trình cử nhân Sư phạm Hóa học, chương trình Thạc sĩ hóa vô cơ; và thực tế chuyên môn, v.v.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 9 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	0	0	1	0	237	0	237/281,48/229,5
2	2017-2018	0	0	2	2	156,6	0	156,6/343,7/229,5
3	2020-2021	0	0	01	01	308,6	0	308,6/413,92/229,5
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	0	0	383,8	0	383,8/425,98/202,5
5	2022-2023	0	0	01	0	283,2	0	283,2/331,08/229,5
6	2023-2024	0	0	01	01	327,8	0	327,8/453,01/229,5

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Từ ngày 04/11/2015 đến ngày 13/10/2021 theo Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên, số 2537/QĐ-ĐHTN, ngày 04 tháng 11 năm 2015; Quy định số 850/QĐ-ĐHSP-ĐT ngày 09/04/2013: Quy định về số sinh viên và hệ số đối với các lớp thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Từ ngày 13/10/2021 đến nay theo Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Trường Đại học Sư phạm, số 4130/QĐ-ĐHTN, ngày 13 tháng 10 năm 2021.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: Hàn Quốc năm 2009-2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
4.1	Nguyễn Văn Tiên		HVCH	X		12/2015-9/2016	Trường Đại học Hồng Đức	Cấp bằng thạc sĩ ngày 24/3/2017
4.2	Nguyễn Hồng Nhung		HVCH	X		7/2016-9/2017	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 8/12/2017
4.3	Đỗ Ngọc Ánh		HVCH	X		7/2017-4/2018	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp 21/8/2018
4.4	Hà Vân Anh		HVCH	X		6/2018-6/2019	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 26/8/2019
4.5	Nguyễn Hải Yến		HVCH	X		6/2018-6/2019	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 26/8/2019
4.6	Vilaykone Phakaxoum		HVCH	X		6/2019-9/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 30/9/2020
4.7	Nguyễn Thị Thu Thảo		HVCH	X		6/2019-9/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 30/9/2020
4.8	Serth Sedthiphonh		HVCH	X		10/2020-12/2021	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định công nhận tốt nghiệp ngày 15/3/2022
4.9	Dương Văn Kiên		HVCH	X		10/2022-12/2023	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Công nhận tốt nghiệp ngày 22/1/2024

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Thực hành hóa lí	GT	Đại học Thái Nguyên, 2022	2	Đồng chủ biên	Bài 1 (trang 1-15); bài 3 (trang 22-26); bài 4 (trang 27-33); bài 9 (trang 57-63); bài 10 (trang 64-69); bài 11 (70-77); bài 12 (78-84).	Số 429/QĐ-ĐHSP ngày 28/2/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: không có

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chế tạo điện cực CuO/ITO ứng dụng trong cảm biến điện hóa	CN	Mã số CS2016-SP-13, cấp Cơ sở	2/2017-12/2017	22/11/2017 Xếp loại Tốt
2	Nghiên cứu chế tạo đồng oxit dạng nanowire và nanotube bằng phương pháp điện hóa và ứng dụng trong cảm biến điện hóa và quang điện hóa để chế	CN	Mã số 103.02-2016.63, cấp Nhà nước; Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	3/2017 - 2/2021	12/5/2021 xếp loại Đạt

	tạo hydro từ năng lượng Mặt Trời				
--	-------------------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<b>Trước khi được công nhận TS: 8 bài báo SCIE/Q1</b>							
1	Thin film polypyrrole/SWCNTs nanocomposites-based NH <sub>3</sub> sensor operated at room temperature	5		Sensors and Actuators B/ ISSN: 0925-4005. <a href="https://doi.org/10.1016/j.snb.2009.04.061">https://doi.org/10.1016/j.snb.2009.04.061</a>	SCIE (3.661, Q1)	120	Vol. 140, pp. 500-507	5/2009
2	Synthesis of p-type semiconducting cupric oxide thin films and their application to hydrogen detection	5		Sensors and Actuators B / ISSN: 0925-4005. <a href="https://doi.org/10.1016/j.snb.2010.02.045">https://doi.org/10.1016/j.snb.2010.02.045</a>	SCIE (3.854, Q1)	143	Vol. 146, pp. 239-244	2/2010
3	Enhanced Photoelectrochemical Activity of the TiO <sub>2</sub> /ITO Nanocomposites Grown onto Single-Walled Carbon Nanotubes at a Low Temperature by Nanocluster Deposition	6		Advanced Materials/ ISSN: 1521-4095. <a href="https://doi.org/10.1002/adma.201103030">https://doi.org/10.1002/adma.201103030</a>	SCIE (13.877, Q1)	39	Vol. 23, pp. 5557-5562	11/2011
4	An amperometric glucose biosensor based on GOx entrapped TiO <sub>2</sub> -SWCNT composite	5	X	Sensors and Actuators B/ ISSN: 0925-4005. <a href="https://doi.org/10.1016/j.snb.2012.01.008">https://doi.org/10.1016/j.snb.2012.01.008</a>	SCIE (4.013, Q1)	51	Vol. 166-167, pp. 103-109	1/2012
5	Enzymatic glucose biosensor based on CeO <sub>2</sub> nanorods synthesized by non-isothermal precipitation	6		Biosensors and Bioelectronics/ ISSN: 0956-5663. <a href="https://doi.org/10.1016/j.bios.2011.10.013">https://doi.org/10.1016/j.bios.2011.10.013</a>	SCIE (6.081, Q1)	108	Vol. 31, pp. 176-181	10/2012
6	High performance nonenzymatic glucose sensor made of CuO-SWCNT nanocomposites	4	X	Biosensors and Bioelectronics/ISSN: 0956-5663. <a href="https://doi.org/10.1016/j.bios.2012.10.044">https://doi.org/10.1016/j.bios.2012.10.044</a>	SCIE (6.835, Q1)	147	Vol. 42, pp. 280-286	10/2012

7	Urchin-like nanowire array: a strategy for high-performance ZnO-based electrode utilized in photoelectrochemistry	4		Nanoscale/ISSN: 2040-3372. <a href="https://doi.org/10.1039/C3NR00889D">https://doi.org/10.1039/C3NR00889D</a>	SCIE (6.739, Q1)	51	Vol. 5, pp. 5530-5538	4/2013
8	NiO-decorated single-walled carbon nanotubes for high performance nonenzymatic glucose sensing	5	X	Sensors and Actuators B/ ISSN: 0925-4005. <a href="https://doi.org/10.1016/j.snb.2013.04.018">https://doi.org/10.1016/j.snb.2013.04.018</a>	SCIE (4.257, Q1)	81	Vol. 183, pp. 381-387	4/2013
<b>II Sau khi được công nhận TS: 47 bài báo (27 bài SCIE, 5 bài Scopus, 15 bài trong nước)</b>								
9	Hấp phụ As (III) trong môi trường nước bằng vật liệu hấp phụ bã chè biến tính KOH	4		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ ISSN: 0868-3224. <a href="https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/26850">https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/26850</a>			Tập 21, Số 3, tr. 131-140	3/2016
10	Origin of Room Temperature Ferromagnetism in Cr-Doped Lead-Free Ferroelectric Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> Materials	8		Journal of Electronic Materials/ ISSN: 1543-186X. <a href="https://doi.org/10.1007/s11664-016-5248-0">https://doi.org/10.1007/s11664-016-5248-0</a>	SCIE (1.654, Q2)	60	Vol. 46, 3367–3372	2/2017
11	Phương pháp quét thể vòng xác định nồng độ Glucose dựa trên điện cực CuO/ITO	4	X	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ ISSN: 0868-3224. <a href="https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/29513">https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/29513</a>			Tập 22, Số 3, tr.98-105	3/2017
12	Hấp phụ Cd(II) trong môi trường nước bằng vật liệu hấp phụ bã chè biến tính KOH	5		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			Tập 55, số 5E12, pp 54-58	10/2017
13	Kỹ thuật Chronoamperometry trong cảm biến glucose dựa trên điện cực CuO/ITO	3	X	Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144.			Số 3E12-2018, tr. 15-20	7/2018
14	Tunable magnetic properties of Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> materials via solid solution of NiTiO <sub>3</sub>	7		Applied Physic A/ISSN: 1432-0630. <a href="https://doi.org/10.1007/s00339-018-2002-x">https://doi.org/10.1007/s00339-018-2002-x</a>	SCIE (1.784, Q2)	24	Vol. 588, pp. 1-7	8/2018
15	Magnetic properties of (1 - x)Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> + xMnTiO <sub>3</sub> materials	7		Journal of Magnetism and Magnetic Materials/ISSN: 1873-4766. <a href="https://doi.org/10.1016/j.jmmm.2018.09.087">https://doi.org/10.1016/j.jmmm.2018.09.087</a>	SCIE (2.683, Q2)	20	Vol. 471, pp.164-168	10/2018



16	A Facile Synthesis, Characterization, and Photocatalytic Activity of Magnesium Ferrite Nanoparticles via the Solution Combustion Method	8		Journal of Chemistry/ISSN: 2090-9071. <a href="https://doi.org/10.1155/2019/3428681">https://doi.org/10.1155/2019/3428681</a>	SCIE (2.683, Q2)	51	Vol. 2019, pp. 1-7,	3/2019
17	Tunable Magnetism of Na <sub>0.5</sub> Bi <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> Materials via Fe Defects	11		Journal of Superconductivity and Novel Magnetism/ISSN: 1557-1947. <a href="https://doi.org/10.1007/s10948-019-05163-z">https://doi.org/10.1007/s10948-019-05163-z</a>	SCIE (1.44, Q3)	24	Vol. 32, pp. 3011–3018	6/2019
18	A simple route for electrochemical glucose sensing using background current subtraction of cyclic voltammetry technique	6	X,*	Journal of Electroanalytical Chemistry/ISSN: 1572-6657. <a href="https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2019.113323">https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2019.113323</a>	SCIE (3.807 Q1)	16	Vol. 848, pp. 113323	7/2019
19	Hấp phụ xanh metylen trong nước sử dụng vật liệu tổ hợp nano Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> /bentonit chế tạo bằng phương pháp hoạt hóa siêu âm	7		Tạp chí Hóa học/ISSN: 0866-7144			Tập 57(4e1,2) 181-187	7/2019
20	Role of Co dopants on the structural, optical and magnetic properties of lead-free ferroelectric Na <sub>0.5</sub> Bi <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> materials	11		Journal of Science: Advanced Materials and Devices/ISSN: 2468-2179. <a href="https://doi.org/10.1016/j.jsamd.2019.08.007">https://doi.org/10.1016/j.jsamd.2019.08.007</a>	SCIE (3.783, Q1)	38	Vol. 4, pp. 584-590	8/2019
21	Structural, optical, and magnetic properties of a new system of Bi(Mn <sub>0.5</sub> Ti <sub>0.5</sub> )O <sub>3</sub> -modified Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> materials	10		Materials Research Express/ISSN: 2053-1591. <a href="https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab3ce0">https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab3ce0</a>	SCIE (1.95, Q2)	8	Vol. 4, pp. 584-590	10/2019
22	Effect of pH on the adsorption behaviour of Congo Red Dye on the Mg-Al layered double hydroxide	9		IOP Conf. Ser.: Mater. Sci. Eng. /ISSN: 1757-899X. <a href="https://doi.org/10.1088/1757-899X/736/2/022077">https://doi.org/10.1088/1757-899X/736/2/022077</a>	SCIE (0.536)	10	Vol. 736, pp. 022077	2020
23	Defect-Mediated Room Temperature Ferromagnetism in Lead-Free Ferroelectric Na <sub>0.5</sub> Bi <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> Materials	10		Journal of Superconductivity and Novel Magnetism/ISSN: 1557-1947. <a href="https://doi.org/10.1007/s10948-019-05399-9">https://doi.org/10.1007/s10948-019-05399-9</a>	SCIE (1.48, Q3)	20	Vol. 33, pp. 911–920	1/2020

24	Enhancing room-temperature ferromagnetism in $\text{Bi}_{0.5}\text{Na}_{0.5}\text{TiO}_3$ via $\text{FeTiO}_3$ solid solution	9		Journal of Electroceramics/ISSN: 1573-8663. <a href="https://doi.org/10.1007/s10832-020-00203-w">https://doi.org/10.1007/s10832-020-00203-w</a>	SCIE (1.785, Q1)	9	Vol. 44, pp. 129–135	3/2020
25	Influenced of $\text{Bi}(\text{Ti}_{1/2}\text{Ni}_{1/2})\text{O}_3$ concentration on the structural, optical and magnetic properties of lead-free $\text{Bi}_{1/2}\text{Na}_{1/2}\text{TiO}_3$ materials	11		Vacuum/ISSN: 1879-2715. <a href="https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109306">https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109306</a>	SCIE (3.63, Q1)	11	Vol. 177, pp. 109306	3/2020
26	Facile Synthesis of $\text{CuO}/\text{ITO}$ Film Via the Chronoamperometric Electrodeposition for Nonenzymatic Glucose Sensing	5	X	Communications in Physics/ISSN: 2815-5947. <a href="https://doi.org/10.15625/0868-3166/30/2/14801">https://doi.org/10.15625/0868-3166/30/2/14801</a>		3	Vol. 30, No. 2, pp. 161-170	5/2020
27	Experimental and theoretical studies on the room-temperature ferromagnetism in new $(1-x)\text{Bi}_{1/2}\text{Na}_{1/2}\text{TiO}_3+x\text{CoTiO}_3$ solid solution materials	11		Vacuum/ISSN: 1879-2715. <a href="https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109551">https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109551</a>	SCIE (3.63, Q1)	14	Vol. 179, pp.109551	6/2020
28	Study on the degradation for Rhodamine-B in water using $\text{Cu}^{2+}$ doped hydrotalcite compounds	3		TNU Journal of Science and Technology/ISSN: 2615-9562. <a href="https://doi.org/10.34238/tnu-jst.2840">https://doi.org/10.34238/tnu-jst.2840</a>			Tập 225(13), pp. 3 -10	8/2020
29	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp $\text{Mn}_3\text{O}_4/\text{graphen}$ bằng phương pháp điện hóa plasma dưới sự hỗ trợ của siêu âm định hướng ứng dụng làm điện cực cho siêu tụ	9		Vietnam Journal of Chemistry/ISSN: 2572-8288			Tập 58(5E12), pp. 265-269	10/2020
30	Equilibrium, Kinetic and Thermodynamic Studies for Sorption of Phosphate from Aqueous Solutions Using $\text{ZnO}$ Nanoparticles	6		Processes/ISSN: 2227-9717. <a href="https://doi.org/10.3390/pr8111397">https://doi.org/10.3390/pr8111397</a>	SCIE (3.04, Q2)	8	Vol. 8, pp.1397	11/2020
31	Communication—A Simple Empirical Method for Determination of $\text{CuOOH}/\text{CuO}$ Redox Couple in Electrochemical Nonenzymatic Glucose Sensing	6	X	Journal of The Electrochemical Society/ISSN: 1945-7111. <a href="https://doi.org/10.1149/1945-7111/abdb02">https://doi.org/10.1149/1945-7111/abdb02</a>	SCIE (4.386, Q1)	9	Vol. 168, pp.017506	1/2021

32	Study on methylene blue adsorption of activated carbon made from <i>Moringa oleifera</i> leaf	7		Materials Today: Proceedings/ISSN: 2214-7853 <a href="https://doi.org/10.1016/j.matpr.2020.10.834">https://doi.org/10.1016/j.matpr.2020.10.834</a>	Scopus (1.50, Q2)	74	Vol. 38, pp. 3405–3413	3/2021
33	The role of copper nanoparticles decorating polydopamine/graphene film as catalyst in the enhancement of uric acid sensing	7		Journal of Electroanalytical Chemistry/ISSN: 1572-6657. <a href="https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2021.115322">https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2021.115322</a>	SCIE (4.21, Q1)	18	Vol. 893, pp. 115322	5/2021
34	Glucose sensor using cyclic voltammetric method based on NiO/ITO electrode	4	X	TNU Journal of Science and Technology/ISSN: 2615-9562. <a href="https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4337">https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4337</a>			Tập 226(09): 79 – 86	5/2021
35	Design and characterization of a new (1-x)Na <sub>1/2</sub> Bi <sub>1/2</sub> TiO <sub>3</sub> +xBi(Ti <sub>1/2</sub> Fe <sub>1/2</sub> )O <sub>3</sub> solid solution	8		Vacuum/ISSN: 1879-2715. <a href="https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109815">https://doi.org/10.1016/j.vacuum.2020.109815</a>	SCIE (3.90, Q1)	5	Vol. 183, pp.109815	10/2021
36	Nghiên cứu tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu Graphene/MoS <sub>2</sub> bằng phương pháp tổng trở	8		Nghiên cứu Khoa học và công nghệ quân sự/ISSN: 1859-1043			Số Đặc san Hội thảo Quốc gia FEE, pp.266-270	10/2021
37	Cảm biến formaldehyde phi enzyme sử dụng điện cực dựa trên vật liệu niken oxit chế tạo bằng phương pháp điện hóa	6	X	Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption/ISSN: 0866-7411. <a href="https://doi.org/10.51316/jca.2021.100">https://doi.org/10.51316/jca.2021.100</a>			10 – special issue 1 103-107	10/2021
38	Ảnh hưởng của polyme siêu hấp thụ nước ASM-1 đến khả năng hấp thụ Cadimi của cỏ vetiver trồng trên đất ô nhiễm	9		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ISSN: 0868-3224			Tập 26, Số 4B/2021	12/2021
39	Structural, optical, and magnetic properties of a new complex (1-x)Bi <sub>1/2</sub> Na <sub>1/2</sub> TiO <sub>3</sub> +xMgNiO <sub>3-δ</sub> solid solution system	8		Applied Physics A/ISSN: 1432-0630. <a href="https://doi.org/10.1007/s00339-021-05255-5">https://doi.org/10.1007/s00339-021-05255-5</a>	SCIE (2.983, Q2)	7	Vol. 128 (2), pp. 129	2/2022
40	Magnetic Properties of a (1-x)Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> +xCaNiO <sub>3-δ</sub> Solid Solution	8		Journal of Electronic Materials/ISSN: 1543-186X.	SCIE (2.047, Q3)	5	Vol. 51, pp. 1905–1921	2/2022

	System Prepared by Sol-Gel Technique			<a href="https://doi.org/10.1007/s11664-022-09457-2">https://doi.org/10.1007/s11664-022-09457-2</a>				
41	Determination of Glucose in Human Serum Using Background Subtraction of Cyclic Voltammetry of a Low Oxidation Peak at NiO Based Electrode	10	X	Journal of The Electrochemical Society/ISSN: 1945-7111. <a href="https://doi.org/10.1149/1945-7111/ac4e5a">https://doi.org/10.1149/1945-7111/ac4e5a</a>	SCIE (4.371, Q1)	2	Vol. 169, pp. 027503	3/2022
42	Synthesis and Characterization of (1-x)Bi1/2Na1/2TiO3+xSrNiO3-δ Solid Solution System	8		Journal of Electronic Materials/ISSN: 1543-186X. <a href="https://doi.org/10.1007/s11664-022-09534-6">https://doi.org/10.1007/s11664-022-09534-6</a>	SCIE (2.047, Q3)	2	Vol. 51, 2716–2731	3/2022
43	Enhanced Photocatalytic Degradation of Rhodamine-B under Led Light Using CuZnAl Hydrotalcite Synthesized by Co-Precipitation Technique	8		Inorganics/ISSN: 2304-6740. <a href="https://doi.org/10.3390/inorganics10070089">https://doi.org/10.3390/inorganics10070089</a>	SCIE (2.9, Q2)	7	Vol. 89, pp. 1-15	6/2022
44	A nonenzymatic uric acid sensor based on electrophoretically deposited Graphene/ITO electrode	10	X	Vietnam Journal of Chemistry/ISSN: 2572-8288. <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.202200071">https://doi.org/10.1002/vjch.202200071</a>	Scopus (0.74, Q3)	1	Vol. 60, pp. 60-65	7/2022
45	A one-stage sonocoprecipitation synthesis of porous Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> /bentonite nanocomposite as an adsorbent for methylene blue removal in water	9		Vietnam Journal of Chemistry/ISSN: 2572-8288. <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.202200062">https://doi.org/10.1002/vjch.202200062</a>	Scopus (0.74, Q3)	4	Vol. 60, pp. 41-45	7/2022
46	Enhanced Adsorption, Photocatalytic Degradation Efficiency of Phenol Red Using CuZnAl Hydrotalcite Synthesized by Co-Precipitation Technique	7		Processes/ISSN: 2227-9717. <a href="https://doi.org/10.3390/pr10081555">https://doi.org/10.3390/pr10081555</a>	SCIE (3.352, Q2)	3	Vol. 10, pp.1555	8/2022
47	Combination of superabsorbent polymer and vetiver grass as a remedy for lead-polluted soil	8		Geography, Environment, Sustainability/ISSN: 2542-1565. <a href="https://doi.org/10.24057/2071-9388-2022-054">https://doi.org/10.24057/2071-9388-2022-054</a>	Scopus (0.323, Q3)	2	Vol. 1(16), pp.181-188	12/2022
48	Adsorption of direct red 79 in wastewater on Fe <sub>2</sub> Fe <sub>1-x</sub> MnXO <sub>4</sub> (x = 0-1) nanoparticles prepared by co-precipitation method	3	X	Vietnam Journal of Science and Technology/ISSN: 2815-5874.	Scopus (Q4)		Vol. , pp. 61 (1) 91-107	1/2023

				<a href="https://doi.org/10.15625/2525-2518/17242">https://doi.org/10.15625/2525-2518/17242</a>				
49	Nonenzymatic glucose sensor based on CuS/ITO electrode fabricated by electrophoresis method	1	X	TNU Journal of Science and Technology/ISSN: 2615-9562			228(S2): 54 - 61	3/2023
50	Application of multivariate standard addition method based on molecular absorption spectroscopy for simultaneous quantification of caffeine and theobromine in Vietnamese tea	4		TNU Journal of Science and Technology/ISSN: 2615-9562			228(S2): 62 - 69	3/2023
51	Enhanced room temperature ferromagnetism in YMnO <sub>3</sub> -modified lead-free ferroelectric Bi <sub>0.5</sub> Na <sub>0.5</sub> TiO <sub>3</sub> materials	6	X	Applied Physics A/ISSN: 0947-8396. <a href="https://doi.org/10.1007/s00339-023-06820-w">https://doi.org/10.1007/s00339-023-06820-w</a>	SCIE (2.983, Q2)	3	Vol. 129, pp. 547-557	7/2023
52	Synthesis of Porous Carbon Nanomaterials from Vietnamese Coal: Fabrication and Energy Storage Investigations	6		Applied Sciences/ISSN: 2076-3417. <a href="https://doi.org/10.3390/app14030965">https://doi.org/10.3390/app14030965</a>	SCIE (2.7, Q2)		Vol. 14, 965	1/2024
53	Facile route for preparation of cuprous oxide/copper/cupric oxide nanoparticles by using simultaneous electrochemical and reduction reaction	8	X	Heliyon/ISSN: 2405-8440. <a href="https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e25195">https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e25195</a>	SCIE (4.45, Q1)	1	Vol. 10, e25195	2/2024
54	Straightforward method for the electrochemical identification of dopamine in the presence of uric acid and ascorbic acid	8	X	Measurement Science and Technology/ISSN: 1361-6501. <a href="https://doi.org/10.1088/1361-6501/ad282d">https://doi.org/10.1088/1361-6501/ad282d</a>	SCIE (2.63, Q2)		Vol 35, 0555114 (11pp)	2/2024
55	Chế vật liệu nano carbon từ than cốc định hướng ứng dụng làm anode trong pin li-ion	4		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/ ISSN: 0868-3224. <a href="https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/92791">https://vjol.info.vn/index.php/TCPTHLS/article/view/92791</a>			Vol.3, pp. 102-107	3/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS là 08 bài gồm 06 bài SCIE ([18], [31], [41], [51], [54], [55]) và 02 bài scopus [44], [48].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

### 8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

### 9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: không

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 06 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Nguyễn Quốc Dũng**